

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/DS-PT

Ngày: 29/3/2019

V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Ông Phạm Ngọc Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2018/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị M, sinh năm 1941

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988, địa chỉ: Số A, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hồ Thị Xuân Hương, Văn phòng Luật sư Xuân Hương, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ: Số 70, Hùng Vương, Khóm 2, Phường 2, thành phố S Đéc, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Hồ Phi S, sinh năm 1958

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Võ Bảo Q, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (*Vắng mặt*).

4. Người kháng cáo: Bà Hồ Phi S là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Võ Thị M trình bày:*

Năm 2015, bà M cho bà S vay tiền 2 lần:

- Lần 1: Không nhớ ngày tháng, cho vay 31.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu đồng/ngày, thời hạn 06 tháng.

- Lần 2: Không nhớ ngày tháng, cho vay tiếp 5.000.000 đồng, không tính lãi, thời hạn 01 tuần.

Tổng cộng 2 lần cho vay 31.000.000 đồng + 5.000.000 đồng = 36.000.000 đồng.

Sau khi vay bà S chưa đóng lãi và không trả vốn. Đến ngày 16/7/2016 dương lịch, bà S có viết, ký Giấy thỏa thuận vay tiền xác nhận có vay của bà M số tiền 35.000.000 đồng và cam kết đến ngày 25/8/2016 âm lịch sẽ trả số tiền 35.000.000 đồng cho bà M nhưng sau đó cũng không thực hiện.

Nay bà M yêu cầu bà S trả nợ vay 41.947.500 đồng (vốn 35.000.000 đồng, tiền lãi tính đến tháng 9 năm 2018 là 6.947.500 đồng).

Bà M không thống nhất với lời trình bày của bà S và không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà S.

** Bị đơn bà Hồ Phi S trình bày:*

Vào khoảng tháng 7 năm 2014 âm lịch, bà S có vay tiền của bà M (thường gọi là cô Út) 02 lần: lần đầu vay 10.000.000 đồng, Sau đó khoảng 20 ngày vay thêm 5.000.000 đồng, tổng cộng vay 15.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/01 triệu đồng/ngày.

Sau khi vay, bà S trả lãi được 07 tháng x 4.500.000 đồng = 31.500.000 đồng thì ngưng. Trong đó đưa cho anh Q (con bà M) nhận thay bà M 02 lần, lần 1: tháng 3/2015 số tiền 4.000.000 đồng (do bà S nhờ ông Trịnh Ái V và ông Trần Thanh T đưa cho anh Q), lần 2: 10.000.000 đồng bà S đưa anh Q nhận thay bà M theo biên nhận ngày 01-3-2015 âm lịch.

Đến ngày 16/7/2016 dương lịch, bà M yêu cầu bà S viết "Giấy thỏa thuận vay tiền" nội dung xác nhận bà S có vay bà M số tiền 35.000.000 đồng và cam kết trả đến ngày 25/8/2016 âm lịch trả hết vốn, nhưng trong khoản tiền 35.000.000 đồng chỉ có vốn vay 15.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi chưa đóng là 20.000.000 đồng. Sau khi viết biên nhận nợ 35.000.000 đồng, bà S cũng không trả được vốn và lãi vay cho đến nay.

Nay bà S chỉ đồng ý trả cho bà M vốn vay 15.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 7 năm 2014 âm lịch đến nay là 52 tháng với lãi suất 1%/tháng, thành tiền là

7.800.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi phải trả cho bà M là 15.000.000 đồng + 7.800.000 đồng = 22.800.000 đồng. Trừ tiền lãi đã đóng 31.500.000 đồng thì số tiền lãi bà S đã đóng thừa là 31.500.000 đồng – 22.800.000 đồng = 8.700.000 đồng, trừ tiếp số tiền 4.000.000 đồng tiền đóng lãi anh Q không đưa cho bà M (do bà S đã có đơn yêu cầu anh Q trả lại số tiền này) thì bà M còn phải trả lại cho bà S tiền lãi đóng thừa là 8.700.000đ – 4.000.000đ = 4.700.000 đồng.

Bà S yêu cầu anh Nguyễn Võ Bảo Q trả lại 4.000.000 đồng là tiền bà S gửi đóng lãi nhưng anh Q không đưa cho bà M.

Bà S không yêu cầu anh Q trả lại số tiền 10.000.000 đồng mà bà S đã đưa cho anh Bảo Q theo biên nhận ngày 01-3-2015 âm lịch vì số tiền này đã cộng chung trong số tiền lãi đã đóng 31.500.000 đồng như đã trình bày.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Võ Bảo Q trình bày:*

Anh Q không đồng ý toàn bộ các ý kiến, yêu cầu của bên bà S. Anh Q không nhận số tiền 4.000.000 đồng và 10.000.000 đồng như bà S trình bày. Anh Q cũng không đồng ý trả cho bà S số tiền 4.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2018/DS-ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Hồ Phi S.

Buộc bà Hồ Phi S trả cho bà Võ Thị M nợ vay 41.947.500 đồng (vốn 35.000.000 đồng, tiền lãi 6.947.500 đồng)

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Phi S về việc yêu cầu bà Võ Thị M trả lại tiền lãi đóng thừa còn lại 4.700.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Phi S về việc yêu cầu anh Nguyễn Võ Bảo Q trả nợ vay 4.000.000 đồng.

Về chi phí giám định là 2.025.000 đồng: anh Nguyễn Võ Bảo Q phải chịu chi phí giám định là 2.025.000 đồng. Do bà Hồ Phi S đã nộp tạm ứng chi phí giám định 2.025.000 đồng nên anh Nguyễn Võ Bảo Q phải trả lại cho bà Hồ Phi S số tiền 2.025.000 đồng.

Về án phí:

- Bà Võ Thị M và anh Nguyễn Võ Bảo Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Hồ Phi S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 2.397.300 đồng (án phí tương ứng với nghĩa vụ trả nợ vay là 2.097.300 đồng; án phí tương ứng với yêu cầu không được chấp nhận là 300.000 đồng)

- Số tiền tạm ứng án phí mà bà Hồ Phi S đã nộp tổng cộng 1.088.000 đồng (gồm 788.000 đồng theo biên lai số 10704 ngày 25/4/2017, và 300.000 đồng theo biên lai số 10788 ngày 01/6/2018) được trừ vào án phí dân sự sơ thẩm phải nộp. Bà Hồ Phi S phải nộp tiếp án phí dân sự sơ thẩm là 1.309.300 đồng.

Ngày 06/11/2018, bà Hồ Phi S kháng cáo không đồng ý trả cho bà M số tiền 41.947.500 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn bà Võ Thị M ủy quyền cho chị Nguyễn Thị H trình bày: Bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu bà Hồ Phi S trả cho bà M số tiền 41.947.500 đồng (vốn 35.000.000 đồng, tiền lãi 6.947.500 đồng).

+ Bị đơn bà Hồ Phi S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà S không đồng ý trả cho bà M số tiền 41.947.500 đồng, yêu cầu xem xét tiền lãi bà S đã đóng cho bà M 31.500.000 đồng, trong số tiền này bà S yêu cầu anh Q trả cho bà S 10.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/3/2015 đến khi giải quyết xong vì đã có kết quả giám định. Bà S cũng yêu cầu anh Q trả lại 4.000.000 đồng bà gửi đóng lãi cho bà M (ông Trịnh Ái V giao cho anh Q 2.000.000 đồng, ông Trần Thanh T giao cho anh Q 2.000.000 đồng).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị M có cơ sở pháp lý. Bà Hồ Phi S và người làm chứng của bà S cho rằng đã đóng lãi 31.500.000 đồng và yêu cầu cản trở tiền lãi vào nợ vay trong đó có 10.000.000 đồng đưa cho anh Nguyễn Võ Bảo Q và 4.000.000 đồng giao cho các người làm chứng đưa cho anh Q, nhưng các người làm chứng này cũng không biết việc vay tiền giữa bà S với bà M. Tại phiên tòa phúc thẩm bà S cũng không có chứng cứ chứng minh, trong khi đó bà M không thừa nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, tuy nhiên đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Võ Bảo Q không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm, vì tại phiên tòa phúc thẩm, bà S cũng không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu của mình. Do bà S thừa nhận bà S có viết giấy thỏa thuận vay của bà M 35.000.000 đồng và cam kết trả, việc bà S trình bày có đóng lãi không được bà M thừa nhận, nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bà S trả tiền vốn và lãi suất cho bà M 41.947.500 đồng là có căn cứ và đúng theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Võ Bảo Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng anh Q vẫn vắng

mặt. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà S không đồng ý trả cho bà M số tiền vốn vay và lãi, tổng cộng 41.947.500 đồng. Xét thấy, bà S cho rằng bà không có vay số tiền 35.000.000 đồng như bà M trình bày, mà thực tế bà chỉ vay số tiền 15.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà S cũng không xuất trình được chứng cứ gì mới để chứng minh cho lời trình bày của mình. Trong khi bà S lại thừa nhận có viết, ký Giấy thỏa thuận vay tiền ngày 16/7/2016, nội dung bà S xác nhận có vay của bà M (cô Út) 35.000.000 đồng và cam kết đến ngày 25/8/2016 âm lịch trả hết nợ, Sau khi viết biên nhận thì bà S thừa nhận cũng chưa đóng lãi, trả vốn.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà S cho rằng có đóng lãi cho bà M số tiền 4.500.000 đồng x 7 tháng = 31.500.000 đồng. Trong đó đưa cho anh Q là con bà M 02 lần, tổng cộng 14.000.000 đồng.

Xét thấy bà S yêu cầu anh Q trả cho bà số tiền 4.000.000 đồng mà anh Q đã nhận. Tuy nhiên, bà M và anh Q không thừa nhận có nhận số tiền này, bà S cũng không xuất trình được giấy tờ và chứng cứ gì để chứng minh anh Q có nhận số tiền 4.000.000 đồng để đưa lại cho bà M. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà S.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà S yêu cầu anh Q trả lại cho bà S số tiền 10.000.000 đồng vì đã có kết quả giám định chữ ký trong biên nhận là của anh Q. Tuy nhiên, do ở cấp sơ thẩm bà S không có yêu cầu anh Q trả lại tiền cho bà S, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm cũng không xem xét yêu cầu này của bà S, do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cũng không thể xem xét yêu cầu kháng cáo này của bà S. Nếu bà S có yêu cầu thì sẽ được giải quyết thành một vụ án khác.

[5] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm do bà S không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Xét đề nghị của luật sư là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm do bà S không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của bà. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà M, buộc bà S trả tiền vay vốn và lãi cho bà M là có căn cứ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà S phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 471, 474, 476, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị

quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Phi S.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2018/DS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị M.

2. Buộc bà Hồ Phi S trả cho bà Võ Thị M số tiền vay tổng cộng 41.947.500 đồng (bốn mươi một triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng) (trong đó tiền vốn là 35.000.000 đồng, tiền lãi là 6.947.500 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Phi S về việc yêu cầu bà Võ Thị M trả lại tiền lãi đóng thừa còn lại 4.700.000 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Phi S về việc yêu cầu anh Nguyễn Võ Bảo Q trả số tiền 4.000.000 đồng.

5. Về chi phí giám định là 2.025.000 đồng: Anh Nguyễn Võ Bảo Q phải chịu chi phí giám định là 2.025.000 đồng (hai triệu hai mươi lăm ngàn đồng). Do bà Hồ Phi S đã nộp tạm ứng chi phí giám định 2.025.000 đồng nên anh Nguyễn Võ Bảo Q phải trả lại cho bà Hồ Phi S số tiền 2.025.000 đồng.

6. Về án phí:

- Bà Võ Thị M và anh Nguyễn Võ Bảo Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Hồ Phi S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 2.397.300 đồng (hai triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm đồng) (án phí tương ứng với nghĩa vụ trả nợ vay là 2.097.300 đồng; án phí tương ứng với yêu cầu không được chấp nhận là 300.000 đồng). Số tiền tạm ứng án phí mà bà Hồ Phi S đã nộp tổng cộng 1.088.000 đồng (gồm 788.000 đồng theo biên lai số 10704 ngày 25/4/2017 và 300.000 đồng theo biên lai số 10788 ngày 01/6/2018) được trừ vào án phí dân sự sơ thẩm phải nộp. Bà Hồ Phi S phải nộp tiếp án phí dân sự sơ thẩm là 1.309.300 đồng.

- Bà Hồ Phi S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 03566 ngày 06/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- TAND H. C;
- Chi Cục THA DS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh